

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 02 - 03 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 04 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ | 05 - 06 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ | 07 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ | 08 - 09 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ | 10 - 29 |

A80
CÔNG
TƯ
NIÊN
VI
CHI
IA
/INH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/6/2007.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020995, thay đổi lần thứ 16, ngày 04/9/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|-----------------|----------------------------|
| Ông Lê Chí Long | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông Đỗ Anh Ngọc | Thành viên |
| Bà Lê Thị Hạnh | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Công Đức | Trưởng ban |
| Ông Quảng Thanh Bình | Thành viên |

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Lê Chí Long - Chủ tịch Hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty.

95-C
G T Y
I H H
T O Á
Ê T I
N H Á
H À N
- T -

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

6. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 29, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba



LÊ CHÍ LONG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022



Số: 024/2022/BCSX-HT.00099

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/8/2022, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.


NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 30/6/2022 | 01/01/2022 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 509.052.300 | 3.976.594.439 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 469.084.977 | 3.439.817.826 |
| Tiền | 111 | | 469.084.977 | 262.076.431 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 3.177.741.395 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | - | 500.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | 500.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 24.000.000 | 30.413.045 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.3 | 24.000.000 | 30.413.045 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 15.967.323 | 6.363.568 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 15.967.323 | 6.363.568 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 104.069.651.303 | 103.458.472.985 |
| Tài sản cố định | 220 | | 48.595.216 | 59.809.504 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.4 | 48.595.216 | 59.809.504 |
| - Nguyên giá | 222 | | 157.000.000 | 157.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (108.404.784) | (97.190.496) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 5.5 | 4.958.635.200 | 4.958.635.200 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 4.958.635.200 | 4.958.635.200 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | 99.062.420.887 | 98.440.028.281 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | 49.000.000.000 | 49.000.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 43.000.000.000 | 43.000.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 33.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (25.937.579.113) | (26.559.971.719) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 104.578.703.603 | 107.435.067.424 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 30/6/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 9.129.578.547 | 12.146.143.716 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 9.129.578.547 | 12.146.143.716 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.6 | 81.310.225 | 81.310.225 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.7 | 46.400.337 | 12.879.000 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 47.500.000 | 27.500.000 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.8 | 121.204.111 | 184.735.617 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.9 | 1.785.160.000 | 1.791.715.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.10 | 7.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 48.003.874 | 48.003.874 |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 95.449.125.056 | 95.288.923.708 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.11 | 95.449.125.056 | 95.288.923.708 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 114.000.000.000 | 114.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 114.000.000.000 | 114.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 497.638.934 | 497.638.934 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 472.910.044 | 472.910.044 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (19.521.423.922) | (19.681.625.270) |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (19.681.625.270) | (20.071.529.313) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 160.201.348 | 389.904.043 |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 104.578.703.603 | 107.435.067.424 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022
Chủ tịch Hội đồng quản trị





NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

LÊ CHÍ LONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022




Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |
|--|-----------|-------------|---|---|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | - | 5.322.909.681 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ | 10 | | - | 5.322.909.681 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | - | 3.747.031.719 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | - | 1.575.877.962 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 7.059.080 | 3.488.447.500 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | (466.304.934) | 2.661.471.776 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 147.397.261 | - |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.5 | 273.112.420 | 376.048.947 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 200.251.594 | 2.026.804.739 |
| Thu nhập khác | 31 | | 121 | - |
| Chi phí khác | 32 | | 30 | 21.000 |
| Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 91 | (21.000) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 200.251.685 | 2.026.783.739 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.7 | 40.050.337 | 405.356.748 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | | 160.201.348 | 1.621.426.991 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

LÊ CHÍ LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |
|--|-----------|-------------|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 200.251.685 | 2.026.783.739 |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản</i> | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 11.214.288 | 11.214.288 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | (622.392.606) | 2.661.471.776 |
| Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (7.059.080) | (5.064.325.462) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 147.397.261 | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (270.588.452) | (364.855.659) |
| (Tăng)/Giảm các khoản phải thu | 09 | | (33.603.755) | (6.190.835) |
| Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | (45.129.000) | (380.575.132) |
| (Tăng)/Giảm chi phí trả trước | 12 | | - | (350.000) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (152.328.767) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | (53.229.095) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | | (501.649.974) | (805.200.721) |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 5.246.780.681 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (20.000.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 500.000.000 | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 10.797.005.036 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 37.472.125 | 57.264.464 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 537.472.125 | (3.898.949.819) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |
|---|-----------|-------------|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (3.000.000.000) | - |
| Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (6.555.000) | (9.650.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (3.006.555.000) | (9.650.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | (2.970.732.849) | (4.713.800.540) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 61 | | 3.439.817.826 | 8.607.566.243 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 469.084.977 | 3.893.765.703 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

LÊ CHÍ LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/6/2007.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020995, thay đổi lần thứ 16, ngày 04/9/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 115.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá, giấy, vật tư ngành in;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá, phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại: Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 07 người (tại ngày 31/12/2021 là 07 người).

Các công ty con tại ngày 30/6/2022, bao gồm:

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|---|--|------------------------|---------------|
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam | Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | 100% | 100% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/6/2022, bao gồm:

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|--|---|------------------------|---------------|
| Công ty Cổ Phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn | Nhà số 2, LK5B, KĐT Mỗ Lao, Làng Việt Kiều Châu Âu, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội | 43,00% | 43,00% |

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 30/6/2022.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán được Chủ tịch Hội đồng quản trị áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con: là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên doanh: là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Công ty liên kết: là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Máy móc thiết bị 05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý 03 năm

4.6 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.7 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.8 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.9 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung bán hàng và cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.10 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.11 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.12 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

| <u>Đối tượng</u> | <u>Quan hệ</u> |
|--|---------------------|
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn | Công ty liên kết |
| Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng | Thành viên chủ chốt |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>30/6/2022</u> | <u>01/01/2022</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| - Tiền mặt | 3.952.494 | 3.952.494 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 465.132.483 | 258.123.937 |
| - Các khoản tương đương tiền | - | 3.177.741.395 |
| Cộng | <u>469.084.977</u> | <u>3.439.817.826</u> |

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>30/6/2022</u> | | <u>01/01/2022</u> | |
|-------------------------|------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi số VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi số VND |
| Ngắn hạn | | | | |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | - | - | - | - |
| - Trái phiếu | - | - | 500.000.000 | 500.000.000 |
| - Các khoản đầu tư khác | - | - | - | - |
| Cộng | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>500.000.000</u> | <u>500.000.000</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 30/6/2022 | | 01/01/2022 | |
|--|------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND |
| Đầu tư vào Công ty con | 49.000.000.000 | (263.096.758) | | 49.000.000.000 |
| - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam | 49.000.000.000 | (263.096.758) | (*) | 49.000.000.000 |
| Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh | 43.000.000.000 | (25.674.482.355) | | 43.000.000.000 |
| - Công ty Cổ Phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn | 43.000.000.000 | (25.674.482.355) | (*) | 43.000.000.000 |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 33.000.000.000 | - | - | 33.000.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt | 3.000.000.000 | - | 4.942.000.000 | 3.000.000.000 |
| - Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One | 30.000.000.000 | - | (*) | 30.000.000.000 |
| Cộng | 125.000.000.000 | (25.937.579.113) | | 125.000.000.000 |
| | | | | (26.559.971.719) |

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thông tin về các công ty con của Công ty tại ngày 30/6/2022:**

| Tên công ty con | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính |
|---|--|--------------|------------------------|--------------------|
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam | Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | 100% | 100% | Thương mại dịch vụ |

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 30/6/2022:

| Tên Công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu trực tiếp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính |
|--|---|------------------------|------------------------|--------------------------|
| Công ty Cổ Phần Sản Xuất Ứng Dụng Công Nghệ Cao Thái Sơn | Nhà số 2, LK5B, KĐT Mỗ Lao, Làng Việt Kiều Châu Âu, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội | 43,00% | 43,00% | Hoạt động tư vấn quản lý |

Thông tin về các khoản đầu tư khác của Công ty tại ngày 30/6/2022:

| Tên Công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu trực tiếp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính |
|---------------------------------------|---|------------------------|------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt | Lầu 1, 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh | 0,37% | 0,37% | Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán |
| Quý Đầu tư Hạ tầng Red One | Phòng 4, Lầu 9, The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 9,375% | 9,375% | Đầu tư tài chính |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

| | Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 | Năm 2021 |
|-------------------------------------|--|-------------------------|
| | VND | VND |
| Số dư 01/01/2022 | (26.559.971.719) | (22.852.611.029) |
| Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ | (396.247.838) | (6.415.931.684) |
| Hoàn nhập dự phòng | 1.018.640.444 | 2.708.570.994 |
| Sử dụng dự phòng trong kỳ | - | - |
| Số dư 30/6/2022 | (25.937.579.113) | (26.559.971.719) |

5.3. Phải thu khác

| | 30/6/2022 | | 01/01/2022 | |
|--|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Ngắn hạn | | | | |
| Phải thu người lao động | 24.000.000 | - | - | - |
| Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia | - | - | 30.413.045 | - |
| Phải thu khác | - | - | - | - |
| Cộng | 24.000.000 | - | 30.413.045 | - |

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Máy móc, thiết bị | Tổng cộng |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên giá | | |
| Số dư 01/01/2022 | 157.000.000 | 157.000.000 |
| Mua trong kỳ | - | - |
| Số dư 30/6/2022 | 157.000.000 | 157.000.000 |
| Giá trị đã hao mòn lũy kế | | |
| Số dư 01/01/2022 | 97.190.496 | 97.190.496 |
| Khấu hao trong kỳ | 11.214.288 | 11.214.288 |
| Số dư 30/6/2022 | 108.404.784 | 108.404.784 |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 59.809.504 | 59.809.504 |
| Tại ngày 30/6/2022 | 48.595.216 | 48.595.216 |

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý: 0 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 30/6/2022 | 01/01/2022 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Dự án: Văn phòng Vinataba | 4.958.635.200 | 4.958.635.200 |
| + Chi phí mua đất tại Khu 6B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh | 4.875.000.000 | 4.875.000.000 |
| + Chi phí thiết kế | 83.635.200 | 83.635.200 |
| Cộng | 4.958.635.200 | 4.958.635.200 |

5.6. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 30/6/2022 | | 01/01/2022 | |
|--------------------|-------------------|---------------------------------|-------------------|---------------------------------|
| | Giá trị nợ VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị nợ VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Trần Ngọc Bảo Châu | 81.250.000 | 81.250.000 | 81.250.000 | 81.250.000 |
| Phải trả khác | 60.225 | 60.225 | 60.225 | 60.225 |
| Cộng | 81.310.225 | 81.310.225 | 81.310.225 | 81.310.225 |

5.7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp

| | 01/01/2022 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | 30/6/2022 |
|-----------------------|-------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế TNDN | - | 40.050.337 | - | 40.050.337 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 12.879.000 | 18.650.000 | 25.179.000 | 6.350.000 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Cộng | 12.879.000 | 58.700.337 | 25.179.000 | 46.400.337 |

5.8. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/6/2022 | 01/01/2022 |
|-----------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí lãi vay | 118.904.111 | 123.835.617 |
| - Thủ lao HĐQT và BKS | - | 15.900.000 |
| - Các khoản khác | 2.300.000 | 45.000.000 |
| Cộng | 121.204.111 | 184.735.617 |

5.9. Phải trả khác ngắn hạn

| | 30/6/2022 | 01/01/2022 |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 1.785.160.000 | 1.791.715.000 |
| Cộng | 1.785.160.000 | 1.791.715.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số nhà 24, Ngách 1, Ngõ 46, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.10. Vay và nợ thuê tài chính**

| | 30/6/2022 | | Trong kỳ | | 01/01/2022 | |
|---------------------------|----------------------|---------------------------|----------|----------------------|-----------------------|---------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ VND |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| + Vay ngắn hạn (*) | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | - | 3.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| + Vay dài hạn đến hạn trả | - | - | - | - | - | - |
| Cộng | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | - | 3.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |

(*) Vay ngắn hạn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VTJ Việt Nam, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 4%/năm theo hình thức tin chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.11. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa PP | Cộng |
|-------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư 01/01/2021 | 114.000.000.000 | 497.638.934 | 472.910.044 | (20.071.529.313) | 94.899.019.665 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 389.904.043 | 389.904.043 |
| Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư 01/01/2022 | 114.000.000.000 | 497.638.934 | 472.910.044 | (19.681.625.270) | 95.288.923.708 |
| Lãi trong kỳ | - | - | - | 160.201.348 | 160.201.348 |
| Số dư 30/6/2022 | 114.000.000.000 | 497.638.934 | 472.910.044 | (19.521.423.922) | 95.449.125.056 |

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>30/6/2022</u> | <u>01/01/2022</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Vốn góp của các cổ đông (*) | 114.000.000.000 | 114.000.000.000 |
| Cộng | <u>114.000.000.000</u> | <u>114.000.000.000</u> |

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0305020995, thay đổi lần thứ 16, ngày 04/9/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 115.000.000.000 đồng.

Tại ngày 30/6/2022, số vốn điều lệ thực góp của các cổ đông là 114.000.000.000 đồng. Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/VNTB/NQ-ĐHCĐ ngày 05/4/2022 đã thông qua việc điều chỉnh vốn góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp với số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | <u>Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022</u> | <u>Năm 2021</u> |
|---------------------------|--|-----------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu kỳ | 114.000.000.000 | 114.000.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| + Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| + Vốn góp cuối kỳ | 114.000.000.000 | 114.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Cổ phiếu

| | <u>30/6/2022</u> | <u>01/01/2022</u> |
|--|------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 11.500.000 | 11.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 11.400.000 | 11.400.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 11.400.000 | 11.400.000 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.400.000 | 11.400.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 11.400.000 | 11.400.000 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ tài chính:

- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

Các quỹ của doanh nghiệp

| | <u>30/6/2022</u> | <u>01/01/2022</u> |
|-------------------------------|------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 497.638.934 | 497.638.934 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 472.910.044 | 472.910.044 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |
|--------------------------------|---|---|
| | VND | VND |
| Doanh thu | | |
| - Doanh thu bán hàng hoá | - | - |
| - Doanh thu bán thanh lý BĐSĐT | - | 5.322.909.681 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | - | - |
| Cộng | - | 5.322.909.681 |

6.2. Giá vốn hàng bán

| | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |
|--|---|---|
| | VND | VND |
| - Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư | - | 3.670.902.719 |
| - Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư | - | 76.129.000 |
| Cộng | - | 3.747.031.719 |

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |
|-------------------------------|---|---|
| | VND | VND |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 7.059.080 | 499.161.916 |
| - Lãi bán các khoản đầu tư | - | 2.989.285.584 |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | - |
| Cộng | 7.059.080 | 3.488.447.500 |

6.4. Chi phí tài chính

| | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| - Chi phí lãi vay | 147.397.261 | - |
| - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 396.247.838 | 3.409.571.776 |
| - Chi phí tài chính khác | 8.690.411 | - |
| - Các khoản ghi giảm chi phí tài chính | (1.018.640.444) | (748.100.000) |
| Cộng | (466.304.934) | 2.661.471.776 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |
|-----------------------------|--|--|
| | VND | VND |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 165.000.000 | 177.500.000 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 11.214.288 | 11.214.288 |
| - Các khoản khác | 96.898.132 | 187.334.659 |
| Cộng | 273.112.420 | 376.048.947 |

6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |
|---------------------------------|--|--|
| | VND | VND |
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | - | 500.175 |
| - Chi phí nhân công | 165.000.000 | 177.500.000 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 11.214.288 | 11.214.288 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 118.241.463 | 68.920.760 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 62.149.639 | 117.913.724 |
| Cộng | 356.605.390 | 376.048.947 |

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 |
|---|--|--|
| | VND | VND |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 40.050.337 | 405.356.748 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | - | - |
| Cộng | 40.050.337 | 405.356.748 |

6.8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin về các bên liên quan

| TT | Tên bên liên quan | Mối quan hệ |
|----|--|---------------------------------------|
| 1 | Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam | Công ty con |
| 2 | Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn | Công ty liên kết |
| 3 | Ông Lê Chí Long | Chủ tịch HĐQT - Thành viên chủ chốt |
| 4 | Ông Đỗ Anh Ngọc | Thành viên HĐQT - Thành viên chủ chốt |
| 5 | Bà Lê Thị Hạnh | Thành viên HĐQT - Thành viên chủ chốt |
| 6 | Ông Nguyễn Công Đức | Trưởng BKS - Thành viên chủ chốt |
| 7 | Ông Quảng Thanh Bình | Thành viên BKS - Thành viên chủ chốt |
| 8 | Bà Nguyễn Thị Thùy Duyên | Kế toán trưởng - Thành viên chủ chốt |

b) Giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND |
|--------------------------|--|--|
| Ông Lê Chí Long | 48.700.000 | 60.900.000 |
| Ông Đỗ Anh Ngọc | 19.800.000 | 21.600.000 |
| Bà Lê Thị Hạnh | 19.800.000 | 21.600.000 |
| Ông Nguyễn Công Đức | 11.700.000 | - |
| Ông Quảng Thanh Bình | 9.000.000 | 9.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thùy Duyên | 94.500.000 | 81.000.000 |
| | 203.500.000 | 194.100.000 |

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ:

| | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND |
|---|--|--|
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam | | |
| Trả nợ vay ngắn hạn | 3.000.000.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Số dư với các bên liên quan khác:

| Bên liên quan | 30/6/2022 VND | 01/01/2022 VND |
|---|------------------|-------------------|
| Vay ngắn hạn | | |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VTJ Việt Nam | 7.000.000.000 | 10.000.000.000 |

7.3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin về tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 và số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty. Một số chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được trình bày lại như sau:

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 (Đã soát xét) | Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 (Trình bày lại) | Thay đổi |
|--|-------|---|---|---------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 1.621.426.991 | 2.026.783.739 | 405.356.748 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (770.212.407) | (364.855.659) | 405.356.748 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (51.347.384) | (380.575.132) | (329.227.748) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (881.329.721) | (805.200.721) | 76.129.000 |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 5.322.909.681 | 5.246.780.681 | (76.129.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (3.822.820.819) | (3.898.949.819) | (76.129.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (4.713.800.540) | (4.713.800.540) | - |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 8.607.566.243 | 8.607.566.243 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 3.893.765.703 | 3.893.765.703 | - |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN

LÊ CHI LONG

